

Số: 1294/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư;

Căn cứ Quyết định số 2865/QĐ-BTP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tiếp tục ủy quyền giải quyết công việc trong các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BTP ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao phụ trách Cục Bổ trợ tư pháp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp tại Báo cáo số 152/BC-BTTP ngày 21/5/2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho 11 cá nhân được miễn tập sự hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 17 của Luật Luật sư trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (kèm theo Danh sách những cá nhân được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cá nhân có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phan Chí Hiếu (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Liên đoàn luật sư Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. CỤC TRƯỞNG CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Mai**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

NHỮNG CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

(kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-BTP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	Sở Tư pháp tỉnh/thành phố	Họ và tên	Số CCHNLS	Nam	Nữ	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú	Thông tin hồ sơ
1.	Vĩnh Phúc	Lê Thị Phương Hoa	18238		x	21/04/1965	Phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Đã là chuyên viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật
2.	Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Tấn Hải	18239	x		13/01/1985	Phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Đã là kiểm sát viên
3.	Thành phố Hồ Chí Minh	Phan Kim Nương	18240		x	24/06/1972	Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Đã là thẩm phán
4.	Cần Thơ	Cao Thị Lan	18241		x	04/03/1965	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Đã là kiểm sát viên
5.	Tuyên Quang	Lưu Hồ Loan	18242		x	09/01/1965	Phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đã là thẩm phán
6.	Điện Biên	Nguyễn Thương	18243		x	10/04/1965	Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Đã là thẩm phán
7.	Long An	Trần Diệp	18244	x		03/03/1960	Thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An	Đã là thẩm phán
8.	Hải Phòng	Vũ Đình Tuấn	18245	x		07/12/1964	Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Đã là kiểm sát viên
9.	Thừa Thiên Huế	Văn Đức Hòa	18246	x		20/02/1960	Phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đã là thẩm phán
10.	Kiên Giang	Mai Hoàng Sơn	18247	x		27/04/1960	Phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Đã là kiểm sát viên
11.	Bến Tre	Nguyễn Tấn Nhứt	18248	x		10/10/1960	Phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đã là chuyên viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật

2